

Số: 3367/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ khung chương trình giáo dục đại học trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN ngày 22/04/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quy định Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 3030/QĐ-ĐHSP ngày 01/08/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Bộ khung chương trình giáo dục đại học, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có khung chương trình kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Bộ khung chương trình này áp dụng đào tạo cho khoá 53 (tuyển sinh năm 2018).

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm căn cứ Quyết định thi hành. / *Tư duy*

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Phó Hiệu trưởng phụ trách (để b/c);
- Các đơn vị trong trường (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu ĐT, VT. *rs*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K53

Tên chương trình: Sư phạm Hoá học

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Hoá học

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số: 3367/QĐ-ĐHSP, ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM			
1.	Kiến thức giáo dục đại cương		24								
1.1. Các học phần bắt buộc			22								
1	MLP151N	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	5	40	30	20	20				3
2	HCM121N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	10	10	10				6
3	VCP131N	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	22,5	15	15	15			HCM121N	7
4	EDL121N	Pháp luật đại cương	2	20	5	5	10			MLP151N	6
5	ENG131N	Tiếng Anh 1	3	15	15	30	15				1
6	ENG132N	Tiếng Anh 2	3	15	15	30	15			ENG131N	2
7	ENG143N	Tiếng Anh 3	4	20	20	40	20			ENG132N	3
1.2. Các học phần tự chọn (chọn 2 tín chỉ)			2								
8	GME121M	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành	2	15	10	12	8				1
9	GIF121N	Tin học đại cương	2	15		30					1
10	EDE121N	Môi trường và phát triển	2	20	8		12				1
11	VIU121N	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	15					1
12	VCF121N	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	21	4	6	8				1
13	LOG121N	Lô gíc hình thức	2	20	20						1
14	CDE121N	Văn hóa và phát triển	2	21		6	12				1
1.3	Giáo dục thể chất										
15	PHE111M	Giáo dục thể chất 1									1
16	PHE112M	Giáo dục thể chất 2								PHE111M	2
17	PHE113M	Giáo dục thể chất 3								PHE112M	3
1.4	Giáo dục quốc phòng										
18	MIE131M	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							4
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			68								
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			12								
Các học phần bắt buộc			10								

19	MAT221M	Toán cao cấp	2	20	18		2				1
20	PHY241M	Vật lí	4	30	24	30	6				2
21	BIO241M	Sinh học	4	42		30	6				1
Các học phần tự chọn			2								
22	ECB221N	Sinh thái và đa dạng sinh học	2	22		16					3
23	AST221N	Thiên văn học	2	22	13		3				3
24	GBI221N	Khoa học trái đất	2	20	10		10				3
2.2. Kiến thức chuyên ngành			56								
Các học phần bắt buộc			50								
25	CMS341M	Hoá học cấu tạo chất	4	42	21		15				1
26	TCP331N	Cơ sở lý thuyết các quá trình hoá học	3	33	15		9			CMS341M	2
27	PBC321N	Thực hành Hóa cơ sở	2			60					2
28	CNE331N	Hoá học các nguyên tố phi kim	3	33	15		9			TCP331N	3
29	CME341N	Hoá học các nguyên tố kim loại	4	42	21		15			TCP331N	4
30	PIC321N	Thực hành hóa vô cơ	2			60					4
31	THC331N	Nhiệt động lực học hoá học	3	30	15		15			TCP331N	3
32	KCH321M	Động hóa học	2	18	12		12			THC331N	4
33	ELE331N	Điện hoá học và thí nghiệm hóa lý	3	18	12	30	12			KCH321M	5
34	TOC321N	Cơ sở LTHHHC	2	21	9		9				3
35	HDC321N	Hydrocarbon	2	21	9		9			TCP331N	4
36	DHE331N	Dẫn xuất của Hydrocarbon	3	30	15		15			HDC321N	5
37	CCH321N	Hợp chất tạp chức và polime	2	21	9		9			DHE331N	6
38	POC321N	Thực hành HHHC	2			60					6
39	TAC321N	Cơ sở lý thuyết hoá học phân tích	2	18	15		9			TCP331N	4
40	QAC331N	Phân tích định lượng	3	30	15		15			TAC321N	5
41	ACE321N	Thực hành Hóa phân tích	2			60					5
42	CFL321N	Hoá học và cuộc sống I	2	21	9		9			CNE331N CME341N DHE331N	6
43	CFL322N	Hoá học và cuộc sống II	2	15	6	15	9			CFL321N	7
44	CCC321N	Hóa học phức chất	2	21	12		6			TCP331N	7
Các học phần tự chọn			6								
45	SUC321N	Phương pháp phổ ứng dụng trong hóa học	2	18	12		12			ELE331N	7
46	ECS321N	Xác suất thống kê xử lý số liệu thực nghiệm hoá học	2	21	12		6			TAC321N	7
47	CHM321N	Hoá học vật liệu	2	21	12		6			CNE331N CME341N	7
48	SOC321N	Tổng hợp hữu cơ	2	21	9		9			CCH321N	7
49	QCH321M	Hóa lượng tử	2	18	12		12			CMS341M	7

3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm				31								
Các học phần bắt buộc				27								
50	EPS331M	Tâm lý học giáo dục	3	30		15	15					1
51	PEP341M	Giáo dục học	4	42	8	12	16				EPS331M	2
52	TTC441N	Lý luận dạy học hóa học	4	36	27		9	12			MLP151N PEP341M	4
53	TMC431N	Phương pháp dạy học hóa học ở trường phổ thông	3	30	8		10	12			TTC441N CNE331N CME341N	5
54	ECT421N	Thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông	2			60					CNE331N CME341N DHE331N	6
55	ESC421M	Bài tập hóa học ở trường phổ thông	2	12	18		18				CNE331N CME341N DHE331N	6
56	PTT421N	Thực hành sư phạm Hoá học 1	2			60					PEP341M	3
57	PTT422N	Thực hành sư phạm Hoá học 2	2			60					TMC431N ECT421N	7
58	TRA421M	Thực tập sư phạm 1	2	3 tuần ở Trường phổ thông							TTC441N PTT421N	5
59	TRA432M	Thực tập sư phạm 2	3	7 tuần ở Trường phổ thông							TRA421M PTT422N TMC431N ECT421N	8
Các học phần tự chọn				4								
60	IAT421N	Tin học ứng dụng trong dạy học hóa học	2	12		30	6				TMC431N	6
61	TOE421M	Dạy học trong môi trường trực tuyến	2	15	21		9				TMC431N	6
62	HOC421N	Lịch sử Hoá học	2	15	12		18				TMC431N	6
63	TDC421M	Dạy học phân hóa trong dạy học hóa học ở trường phổ thông	2	15	24		6				TMC431N	6
64	ETC421M	Phương tiện dạy học hóa học	2	15		30					TMC431N	6
65	PMC421M	Phương pháp bài toán trong dạy học hóa học trường phổ thông	2	15	12		18				TMC431N	6
66	NSC421N	Các chủ đề khoa học tự nhiên về hóa học ở trường phổ thông	2	15	9		21				TMC431N	6
67	UEC421M	Sử dụng tiếng Anh trong dạy học hóa học	2	15	15		15				TMC431N	6
4. Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp				7								
Khoá luận tốt nghiệp												
68	CTE971N	Khoá luận tốt nghiệp	7									
Các học phần thay thế khóa luận (chọn 7 TC)				7								

69	TPD931N	Dạy học Hóa học ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực	3	30	15		15			TMC431N	7
70	TAT931N	Đo lường và đánh giá trong dạy học Hóa học	3	30	15		15			TMC431N	7
71	CCN921N	Hợp chất thiên nhiên	2	21	9		9			CCI321N	8
72	CPM921N	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	2	18	12		12			ELE331N	8
73	CCH921M	Hóa keo	2	20	8		12			ELE331N	8
74	PTE921N	Một số kỹ thuật xử lý môi trường	2	21	12		6			QAC331N	8
Tổng cộng			130								

Ghi chú: Tổng số 130 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 9 năm 2018

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PHÒNG ĐÀO TẠO

BAN CHỦ NHIỆM KHOA



PGS.TS Mai Xuân Trường

PGS.TS Nguyễn Phúc Chính

PGS.TS. Nguyễn Thị Hiền Lan

